TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY NAM** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 25-10-2018
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con giữa chị T với anh N"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Dân.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Cẩm Dung.
2. Bà Lê Thị Thu Hồng.

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Ngọc Mai - T ký Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M tham gia phiên tòa: Ông Võ Văn Thành – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 333/2018/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2018 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 275/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Dương Yến T, sinh năm: 1987, địa chỉ: Số 134, tổ 7, ấp ĐN, xã ĐT, huyện M, tỉnh Bến Tre (Có mặt).

2. Bị đơn: Anh Trần Viết N, sinh năm: 1985, đăng ký Tờng trú: Ấp PL, xã TL, huyện HTN, tỉnh Bình Thuận; Tạm trú: Số 134, tổ 7, ấp ĐN, xã ĐT, huyện M, tỉnh Bến Tre (Xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 13 tháng 8 năm 2018, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn là chị Dương Yến T trình bày:

Chị và anh Trần Viết N có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐT, huyện M, tỉnh Bến Tre vào năm 2012. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được khoảng thời gian. Sau đó, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và hay cãi nhau. Chị và anh N không sống chung với nhau cho đến nay khoảng 04 tháng. Nhận thấy thời gian không sống chung với nhau đã lâu, tình cảm vợ chồng không còn và không thể tiếp tục chung sống với nhau nên chị xin được ly hôn với anh N.

Trong thời gian chung sống, chị và anh N có 01 con chung tên Trần Yến D, sinh ngày: 16/5/2012, hiện tại đang sống chung với chị. Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh N cấp dưỡng cho con.

Chị và anh N không có tài sản chung, không có nợ chung.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và đơn xin vắng mặt, bị đơn anh Trần Viết N trình bày:

Anh thống nhất với trình bày của chị T về thời gian chung sống, đăng ký kết hôn và con chung. Nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm và không thể hàn gắn được nên anh đồng ý ly hôn với chị T.

Anh và chị T có một con chung tên Trần Yến D, sinh ngày: 16/5/2012. Trước đây, anh có yêu cầu được tiếp tục nuôi con nhưng nay anh đồng ý để chị T tiếp tục nuôi dưỡng con chung, anh không cấp dưỡng cho con.

Trong thời gian chung sống, anh và chị T không có tài sản chung, không có nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và T ký thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Kiểm sát viên trình bày ý kiến phát biểu về nội dung và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự: Chị Dương Yến T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện M giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con giữa chị với anh Trần Viết N. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre.

Anh Trần Viết N là bị đơn trong vụ án có đơn xin vắng mặt, theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh N.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Yến T và anh Trần Viết N chung sống có đăng ký kết hôn năm 2012 tại Ủy ban nhân dân xã ĐT, huyện M, tỉnh Bến Tre nên quan hệ hôn nhân của chị T và anh N được xem là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Tuy nhiên, chị T cho rằng chị và anh N bất đồng quan điểm sống và hay cãi nhau, chị và anh N không sống chung với nhau đến nay khoảng 04 tháng, không ai quan tâm gì đến nhau, tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau nên chị xin ly hôn với anh N. Anh N cũng thừa nhận anh chị không còn tình cảm như chị T đã trình bày.

Như vậy, cho thấy tình trạng hôn nhân của chị T và anh N đã trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T để giải quyết cho chị được ly hôn với anh N.

[3] Về con chung: Chị T và anh N có 01 con chung tên là Trần Yến D, sinh ngày: 16/5/2012. Chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu D, không yêu cầu anh N cấp dưỡng cho con.

Hội đồng xét xử xét thấy, hiện tại cháu Tuyết còn nhỏ và đang sống với chị T, đồng thời theo ý kiến của anh N thì anh cũng đồng ý để chị T tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Do đó, để đảm bảo tâm sinh lý của cháu D được ổn định nên cần giao cháu cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng. Đối với việc cấp dưỡng cho con do chị T không có yêu cầu nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh N trình bày không có tài sản chung, không có nợ chung nên không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 228, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Tòng vụ Quốc Hội;

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Dương Yến T. Chị Dương Yến T được ly hôn với anh Trần Viết N.

Về con chung: Chị Dương Yến T và anh Trần Viết N có một con chung tên Trần Yến D, sinh ngày: 16/5/2012.

Chị Dương Yến T được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Trần Yến D.

Ghi nhận chị Dương Yến T không yêu cầu anh Trần Viết N cấp dưỡng cho con.

Anh Trần Viết N được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở anh thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án quyết định thay đổi việc cấp dưỡng cho con.

Trong trường hợp có yêu cầu của một hoặc cả hai bên hoặc của cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Dương Yến T và anh Trần Viết N trình bày không có tài sản chung, không có nợ chung nên không xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Dương Yến T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0018908 ngày 20 tháng 8 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện M. Chị Dương Yến T đã nộp đủ án phí.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- UBND xã ĐT;
- VKSND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Hồng Dân